

FILE ĐÍNH KÈM CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Thanh Hoá – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hoá.- Tài khoản: 5010188688 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Thanh Hóa.- Mã số thuế: 0100100417-009.- Điện thoại: 02372291999.- Email: qlda.pcth@gmail.com
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm: Xây dựng, cải tạo nâng cao năng lực vận hành giảm điện áp thấp khu vực phía Tây TX Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa</p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường Trên địa bàn các xã, phường: Các Sơn, Trúc Lâm, Trường Lâm, Tân Dân, Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và được xác định trong Bản vẽ số 2025-DPH-MB-01, 2025-DPH-MB-02, 2025-DPH-MB-03; 2025-DPH-MB-04, 2025-DPH-MB-05, 2025-DPH-MB-06;</p>
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: 175 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 175 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p>
E-ĐKC 1.18	<p>Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].</p>
E-ĐKC 1.19	<p>Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</p>

	<p>- Tư vấn giám sát là: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</p> <p>...</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không.
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; 3. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng; 4. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục; 5. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (Nếu có); 6. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (Nếu có); 7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp BĐTHHĐ hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trường hợp bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị BĐTHHĐ là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p>Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu</p>

	<p>lực;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình; + Bên B không gia hạn bảo đảm đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo đảm.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục (không thuộc trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải nộp một Bảo đảm thực hiện HĐ cho Chủ đầu tư (01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành).</p> <p>Hình thức Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho chủ đầu tư.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chậm nhất 28 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng toàn bộ công trình và Bên A nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành công trình từ Bên B.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn</p>

	bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 07 ngày , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 40% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Việc tham gia bảo hiểm thuộc trách nhiệm của nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 540 ngày , kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Trên địa bàn các xã, phường: Các Sơn, Trúc Lâm, Trường Lâm, Tân Dân, Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày tiếp nhận kể từ ngày bàn giao tuyến.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải thì sẽ được giải quyết thông qua Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thanh Hóa. Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p>

	- Bên thua kiện sẽ phải chịu toàn bộ chi phí cho việc giải quyết tranh chấp.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: - Ngày hoàn thành dự kiến:
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày 01 lần . - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 1.000.000 đ .
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không .
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: _____ [<i>ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)</i>].
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo Đơn giá cố định.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định và chỉ thay đổi khi có phụ lục hợp đồng, hoặc khi có lỗi số học khi tiên lượng mời thầu dẫn đến khối lượng thi công công trình thay đổi, hoặc thuế suất thuế GTGT có thay đổi sau khi kí Hợp đồng.
E-ĐKC 42.1	Tạm ứng: Hai mươi phần trăm (20%) giá trị hợp đồng trước thuế sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Công văn đề nghị thanh toán: 03 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 gốc và 03 bản sao y của ngân hàng. + Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt KHLCNT; Quyết định phê duyệt dự toán gói thầu: 03 bản công chứng.

	<p>+ Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 03 bản sao y của Ngân hàng phát hành.</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng: phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>+ Số tiền tạm ứng sẽ được Bên A thu hồi hết khi giá trị nghiệm thu đạt 80% giá trị hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>A. Phương thức thanh toán, đồng tiền thanh toán: Việc thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (đ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. <p>B. Thanh toán:</p> <p>B.1. Hạn mức (tỷ lệ) thanh toán: 80% giá trị Hợp đồng (bao gồm cả giá trị tạm ứng, và giá trị thanh toán giai đoạn trước đó, và trong phạm vi hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (nếu</p>

có) giá trị hàng hóa, dịch vụ được nghiệm thu (trước thuế) và 100% thuế GTGT

B.2. Thời hạn thanh toán: Nhà thầu (Bên B) sẽ được thanh toán trong vòng 14 ngày đối với giá trị trước thuế và 60 ngày đối với GTGT sau khi Nhà thầu hoàn thành các hạng mục công việc của hợp đồng và xuất trình các chứng từ như mục 3.

B.3. Hồ sơ thanh toán:

- + Giấy đề nghị thanh toán: 03 bản gốc
- + Bản in Hóa đơn điện tử thuế GTGT hợp lệ: 03 bản.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành: 03 bản gốc

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

B.4. 20% giá trị còn lại được thanh toán khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và hai bên thanh lý hợp đồng.

C. Quyết toán:

C.1. Thời gian nộp hồ sơ quyết toán gói thầu: Không quá 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A hoặc không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành ký kết các phụ lục hợp đồng giữa A-B (nếu có) và Bên B cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng Bên B chưa nộp hồ sơ quyết toán, Bên A sẽ xem xét và đánh giá chất lượng nhà thầu được thực hiện trên module đánh giá nhà thầu của phần mềm Quản lý đầu tư xây dựng (IMIS). Giá trị phạt chậm nộp hồ sơ quyết toán được tính toán và trừ trực tiếp trong bản thỏa thuận quyết toán A-B.

C.2. Nội dung hồ sơ quyết toán:

C.2.1. Hồ sơ pháp lý:

E-HSMT, HSDT (bản đối chiếu tài liệu), Báo cáo đánh giá HSDT, Báo cáo thẩm định HSDT, Văn bản hợp đồng, các phụ lục hợp đồng (nếu có), các Biên bản, báo cáo đánh giá tiến độ hợp đồng, hồ sơ phê duyệt TK-DT bổ sung.

C.2.2. Hồ sơ quyết toán (1 bộ gốc, 1 bộ chính):

- + Tập hồ sơ khởi công công trình, gồm: Thông báo khởi công công trình; Bản cam kết bảo vệ môi trường; Các Biên bản kiểm tra điều kiện khởi công công trình; Bản cam kết đảm bảo ATLĐ, VSMT, PCCN, ANTT; Bản phổ biến nội quy công trường; Bảo lãnh hợp đồng; Biên bản bàn giao mặt bằng

	<p>(tuyên) và định vị công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tập hồ sơ chất lượng vật tư thiết bị tương ứng với khối lượng nghiệm thu Hợp đồng, gồm: Bản công bố chất lượng IEC, TCVN, TCCS hoặc chứng nhận hợp chuẩn; Chứng chỉ xuất xưởng; Biên bản (phiếu) lấy mẫu (nếu có); Biên bản thí nghiệm; kiểm định, chứng chỉ bảo hành của nhà sản xuất; catalogue, hướng dẫn sử dụng (nếu có); + Nhật ký thi công; + Tập ảnh thi công; + Tập Bản vẽ hoàn công lập theo ý a, Mục 1, Phụ lục IIb, NĐ 06/2021/NĐ-CP; + Tập Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng; + Tập Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn, nghiệm thu chuyển bước thi công, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; + Tập biên bản: nghiệm nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm nghiệm thu đóng điện, biên bản nghiệm nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng; + Hồ sơ quyết toán vật tư thiết bị A cấp (với công trình có VTTB A cấp hoặc điều động), gồm: Bản quyết toán Vật tư A cấp; Các Quyết định điều động (nếu công trình có sử dụng VTTB điều động); tập phiếu xuất, nhập kho; + Hồ sơ VTTB thu hồi (với công trình có khối lượng thu hồi), gồm: Phương án thu hồi được duyệt; Biên bản xác định VTTB trước khi thu hồi; Biên bản xác định VTTB sau thu hồi tại hiện trường; Biên bản thanh hủy VTTB tại hiện trường (nếu có VTTB được phép thanh hủy tại hiện trường); Hồ sơ đề nghị giữ lại VTTB thu hồi để tái sử dụng của Đội ĐLKV (nếu có); Biên bản ghi nhận sai khác khối lượng đã thu hồi giữa thiết kế với thực tế tại hiện trường (nếu có sai khác); Biên bản đánh giá VTTB thu hồi tại kho; các phiếu nhập kho VTTB thu hồi. + Bản quyết toán A-B.
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán, nếu chính sách về thuế có sự thay đổi thì hai Bên xác định đúng thuế suất thuế GTGT theo quy định của Pháp luật thuế GTGT hiện hành tương ứng với khối lượng, giá trị đã thực hiện để làm căn cứ lập PLHĐ và thanh quyết toán Hợp đồng.</p>

E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 0%.
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi điều chỉnh khối lượng so với yêu cầu ban đầu và được Chủ đầu tư, tư vấn thống nhất thì bên B sẽ tiếp tục phải đảm nhận phần thi công để dự án đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và quy phạm hiện hành, khối lượng và giá Hợp đồng được hai bên thỏa thuận theo nguyên tắc sau:</p> <p>Hợp đồng điều chỉnh theo điều 36 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp khối lượng phát sinh ngoài phạm vi thiết kế đã duyệt như: <ul style="list-style-type: none"> + Khi tăng giảm khối lượng, dịch chuyển vị trí để phù hợp với mặt bằng. + Thay đổi kết cấu công trình để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và quy phạm. + Bổ sung quy mô theo yêu cầu của Chủ đầu tư. <p>Các điều chỉnh trên dẫn tới phải thay đổi khối lượng thi công công trình thì hai bên thống nhất ký phụ lục bổ sung trên nguyên tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với nội dung công tác đã có đơn giá trong Hợp đồng đã ký thì lấy theo đơn giá Hợp đồng. + Đối với các nội dung công tác không có đơn giá trong Hợp đồng đã ký thì trên cơ sở dự toán duyệt theo đơn giá tại thời điểm phát sinh phải chiết giảm theo tỷ lệ giảm giá của nhà thầu đã trúng thầu nhưng tỷ lệ chiết giảm không thấp hơn tỷ lệ chiết giảm theo hình thức chỉ định thầu của EVNNPC. <p>Giá trị thanh quyết toán Hợp đồng sau điều chỉnh, bổ sung không được vượt giá gói thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Riêng trường hợp khối lượng phát sinh trong phạm vi thiết kế như: <ul style="list-style-type: none"> + Khi có sự tăng giảm thừa thiếu khối lượng thực tế thi công so với khối lượng đã mời thầu và kí hợp đồng, mà do lỗi số học trong quá trình đo bóc khối lượng ở khâu lập tiên lượng dự toán, tiên lượng mời thầu.

	<p>+ Thay đổi khối lượng vật tư thu hồi do một số nội dung công tác ban đầu chưa đánh giá được chính xác khối lượng chủng loại.</p> <p>Khi đó hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo khối lượng thực tế.</p>
<p>E-ĐKC 47.7</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Mức phạt: 1% giá trị hợp đồng/1 tuần chậm tiến độ, tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>Mức phạt:</p> <p>1. Đối với vật tư thiết bị thuộc phạm vi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. - Phạt do thay đổi xuất xứ: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng. <p>2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1% giá trị hợp đồng/1 tuần chậm tiến độ, tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình là 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 10% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng

cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 1% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt.

3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.

5. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.

6. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.

7. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện họp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.

8. Không quá 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A hoặc không quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành ký kết các phụ lục hợp đồng giữa A-B (nếu có) và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B chưa nộp hồ sơ quyết toán, Công ty Điện lực Thanh Hóa sẽ xem xét và đánh giá chất lượng nhà thầu được thực hiện trên module đánh giá nhà thầu của phần mềm Quản lý đầu tư xây dựng (IMIS), đồng thời Bên A có quyền chủ động quyết toán theo giá trị được đơn vị kiểm toán

	độc lập xác nhận.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình:
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công:
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 10.000.000 đ.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 20 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.